

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng 3 – Đợt 1**

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 10 – 11/3/2025

**Ngày cung cấp TT:** 12/3/2025

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Liên Mạc	Cống Liên Mạc 1 đóng, Liên Mạc 2 mở thông.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở thông.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập mở hé.
5	9	Cống Lương Cồ	Cống mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cống mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cống mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cống mở hé.
10	21	Kênh Yên Xá	Cống mở hé.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cống đóng.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 23 vị trí.

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

*Người cung cấp thông tin:* Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng.

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hà Nam, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Hà Nam.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

*Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:*

*A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Không có vị trí nào.*

*B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Kênh Duy Tiên, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà - Thường Tín.*

*C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên, Đập Nhật Tựu, Phũ Lý – cầu Phũ Vân, Kênh Hòa Bình.*

*D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Công Lương Cổ.*

**Không đạt mức D:** Công Liên Mạc, Cầu Diễn, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Cầu Thần, Sông Đăm, Sông Cầu Ngà, Đập Thanh Liệt, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu, Kênh Yên Xá.

Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tác Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Công Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 19°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 80%, gió ĐN 8 km/h.  Không có dòng chảy. Công Liên Mạc 1 đóng, công Liên Mạc 2 mở thông. Nước màu đen, mùi hôi thối..	7.01	17.6	0.6	0.6	16.861	2.385	726	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 92%, mật độ mây 80%, gió ĐN 8 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.16	22.7	0.56	0.6	14.375	2.903	759	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đám, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 90%, gió ĐN 10 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.21	20.5	0.31	0.6	32.401	3.578	806	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
4	Cầu Tó	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông	Trời hửng nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió ĐN 10 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.36	24.7	0.42	0.6	31.779	2.858	817	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.									
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 90%, gió ĐN 8 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Hai bên sông có nhiều rác. Nước màu đen.	7.3	20.1	0.55	0.6	27.739	2.385	826	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch	Trời hửng nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 85%, gió Nam 7 km/h.  Dòng chảy chậm về hạ lưu. Đập mở thông. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.25	13.2	0.71	0.6	25.563	3.083	807	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.									
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước đèo chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 82%, gió Nam 11 km/h.  Dòng chảy chậm, chảy ngược. Mực nước trung bình. Nước từ kênh Duy Tiên nhập lưu sông Nhuệ, đẩy dòng chảy sông Nhuệ ngược lên thượng lưu. Nước màu xanh đen.	7.28	31.6	1.06	0.6	14.530	3.578	702	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại	Trời nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 75%, gió Nam 11 km/h.	7.78	18	4.61	0.3	2.797	2.970	597	Chi tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vị trí lấy mẫu ở thượng lưu đập.	Dòng chảy chậm về hạ lưu, đập mở hé. Thượng lưu đập dồn ứ nhiều bèo. Nước màu xanh lục.								hiện trường DO không đạt mức B
9	Công Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí công.	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 80%, gió Nam 10 km/h.  Công mở thông. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mức nước trung bình. Nước màu xanh đen. Khu vực lấy mẫu đang có hiện tượng pha nước giữa màu đen và màu xanh lục.	7.61	41.2	2.17	0.5	8.314	3.510	639	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
10	Phù Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính	Trời nắng, nhiệt độ 27°C, độ ẩm 72%, mật độ mây 80%, gió Nam 10 km/h.	7.47	30.6	4.16	0.3	1.632	1.508	402	Chi tiêu quan trắc



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều bèo. Khu vực lấy mẫu đang sửa chữa cầu. Nước màu xanh lục.								hiện trường DO không đạt mức B
11	Sông Đám	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 80%, gió ĐN 8 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu nâu đen.	7.36	22.6	1.68	0.5	12.044	3.128	607	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 90%, gió ĐN 7 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước	6.97	27.5	1.07	0.6	14.141	2.948	691	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			thấp. Nước màu đen.								
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 95%, gió ĐN 10 km/h.  Không có dòng chảy. Đập đóng. Nước màu đen.	7.01	23.6	0.86	0.6	25.563	3.263	816	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 80%, gió ĐN 8 km/h.  Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Cổng mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước trung bình. Nước màu vàng đen.	7.47	30.7	0.48	0.6	19.347	1.688	826	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 98%, gió ĐN 7 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở tiêu nước ra sông. Trạm bơm không hoạt động, bể hút trạm bơm đang được nạo vét. Nước màu xám đen.	7.26	41.6	0.36	0.6	24.786	3.510	859	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
16	Kênh tiêu Trung Văn	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ	Trời nhiều mây, nhiệt độ 20°C, độ ẩm 84%, mật độ mây 98%, gió ĐN 7 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, cổng mở hé tiêu nước ra sông. Mực nước thấp. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xám đen.	7.29	23.5	0.41	0.6	22.145	2.295	846	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Đình.									
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 90%, gió ĐN 5 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.	7.29	25.9	0.61	0.6	23.465	3.128	817	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cống tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối nguồn.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 21°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 90%, gió ĐN 5 km/h.  Không có dòng chảy, mực nước trung bình. Nước màu đen.	7.36	20.3	0.59	0.6	27.584	2.610	861	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 25°C, độ ẩm 74%, mật độ mây 85%, gió Nam 7 km/h.  Dòng chảy chậm từ sông Nhuệ về hướng sông Đáy. Mực nước trung bình. Hai bên kênh có nhiều rác. Nước màu xanh đen.	7.59	18.7	0.91	0.5	14.685	3.983	761	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Trời hừng nắng, nhiệt độ 26°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 82%, gió Nam 11 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước trung bình. Nước màu xanh trong.	7.2	22.6	5.59	0.2	0.831	1.845	381	Chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 22°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 90%, gió ĐN 10 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Cổng mở hé tiêu nước ra sông, mực nước thấp. Nước màu xám đen.	7.5	26.5	0.76	0.6	29.604	4.433	897	Chi tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà, Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Trời hửng nắng, nhiệt độ 24°C, độ ẩm 78%, mật độ mây 90%, gió ĐN 8 km/h.  Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ, mực nước cao. Nước màu xanh, có hiện tượng bị phú dưỡng.	7.41	17.1	5.16	0.2	0.707	2.363	381	Chi tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B
23	Kênh Hòa	Đánh giá chất lượng nước	Trời hửng nắng, nhiệt độ 23°C, độ ẩm 80%,	7.49	20.6	4.76	0.3	1.484	2.858	401	Chi tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Bình	kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	mật độ mây 90%, gió ĐN 10 km/h.  Không có dòng chảy, cống đóng. Mực nước cao. Trạm bơm không hoạt động. Nước màu xanh lục.								quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

*Ghi chú:*

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

**Nơi nhận:**

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Cty TNHH MTV KTCTTL tỉnh Hà Nam;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi Hà Nam;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN, MT.

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2025

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



**PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

*Đào Ngọc Tuấn*